

I. Sản phẩm phái sinh

1. Hợp đồng tương lai chỉ số VN30 (HĐTL chỉ số VN30)

- HĐTL chỉ số VN30 là loại HĐTL có tài sản cơ sở là chỉ số VN30, mô phỏng kì vọng giá của chỉ số VN30
- Mỗi HĐTL có một mã riêng tương tự như cổ phiếu, được quy ước theo quy tắc nhất định và chứa đựng thông tin về hợp đồng đó. Ví dụ, Hợp đồng có mã VN30F2007 bao gồm các thông tin: “VN30F” là Hợp đồng tương lai của chỉ số VN30. “20” là năm 2020 và “07” là tháng đáo hạn của Hợp đồng.
- Hiện tại cùng một lúc sẽ có 4 "tháng" hợp đồng (contract months) được giao dịch với chỉ số VN30-Index: hợp đồng tương lai cho tháng hiện tại; hợp đồng tương lai cho tháng kế tiếp; hợp đồng tương lai cuối quý gần nhất; hợp đồng tương lai cuối quý tiếp theo.
- Ví dụ, HĐTL có mã số VN30F2007 là hợp đồng cho tháng hiện tại sẽ đáo hạn vào tháng 7/2020. Bên cạnh đó nhà đầu tư có thể giao dịch hợp đồng có mã số VN30F2008 là hợp đồng sẽ đáo hạn vào tháng kế tiếp (tháng 8/2020). Hợp đồng có mã số VN30F2009 là hợp đồng sẽ đáo hạn vào quý gần nhất (tháng 9/2020 – quý III/2020). Hợp đồng có mã số VN30F2012 là hợp đồng đáo hạn vào quý kế tiếp (tháng 12/2020 – quý IV/2020).

2. Mẫu HĐTL chỉ số VN30

STT	Điều khoản	Mô Tả
1	Tên hợp đồng	HĐTL chỉ số VN30
2	Mã hợp đồng	Theo quy ước xác định mã giao dịch của HNX, ví dụ: VN30F2007
3	Tài sản cơ sở	Chỉ số VN30
4	Quy mô hợp đồng	100.000 đồng × điểm chỉ số VN30
5	Hệ số nhân hợp đồng	100.000 đồng
6	Tháng đáo hạn	Tháng hiện tại, tháng kế tiếp, hai tháng cuối 02 quý tiếp theo. Ví dụ: tháng hiện tại là tháng 7. Các tháng đáo hạn là tháng 7, tháng 8, tháng 9 và tháng 12
7	Thời gian giao dịch	Mở cửa trước thị trường cơ sở 15 phút Đóng cửa: cùng thị trường cơ sở
8	Phương thức giao dịch	Phương thức khớp lệnh và Phương thức thỏa thuận
9	Đơn vị giao dịch	01 hợp đồng
10	Giá tham chiếu	Giá thanh toán cuối ngày của ngày giao dịch liền trước hoặc giá lý thuyết
11	Biên độ giao động giá	+/- 7% so với giá tham chiếu
12	Bước giá /Đơn vị yết giá	0,1 điểm chỉ số
13	Giới hạn lệnh	500 hợp đồng/lệnh
14	Ngày giao dịch cuối cùng	Ngày Thứ Năm tuần thứ ba trong tháng đáo hạn, trường hợp trùng ngày nghỉ sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước đó
15	Ngày thanh toán cuối cùng	Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng

16	Phương thức thanh toán	Thanh toán bằng tiền
17	Phương pháp xác định giá thanh toán hằng ngày	Theo quy định của VSD
18	Phương pháp xác định giá thanh toán cuối cùng	Là giá trị trung bình số học giản đơn của chỉ số trong 30 phút cuối cùng của ngày giao dịch cuối cùng (bao gồm 15 phút khớp lệnh liên tục và 15 phút khớp lệnh định kỳ đóng cửa), sau khi loại trừ 3 giá trị chỉ số cao nhất và 3 giá trị chỉ số thấp nhất của phiên khớp lệnh liên tục.

3. Thời gian giao dịch

Thời gian	Phiên giao dịch	Loại lệnh
8h45 – 9h00	Khớp lệnh định kỳ mở cửa	ATO, LO Không được hủy lệnh
9h00 – 11h30	Khớp lệnh liên tục phiên sáng	LO, MOK, MAK, MTL Được hủy lệnh
11h30 - 13h00	Nghỉ giữa phiên	
13h00 - 14h30	Khớp lệnh liên tục phiên chiều	LO, MTL, MOK, MAK Được hủy lệnh
14h30 - 14h45	Khớp lệnh định kỳ đóng cửa	ATC, LO Không được hủy lệnh
8h45 - 11h30 & 13h00 - 14h45	Giao dịch thỏa thuận	Lệnh thỏa thuận

4. Các loại lệnh

- **Lệnh ATO (ATC):** là lệnh đặt mua/bán chứng khoán phái sinh tại mức giá mở cửa (đóng cửa). Lệnh không ghi giá cụ thể, ghi ATO/ATC. Lệnh được ưu tiên trước lệnh LO trong khi khớp lệnh và tự động hủy khi kết thúc phiên định kỳ.
- **Lệnh LO (lệnh giới hạn):** lệnh mua/bán chứng khoán phái sinh tại một mức giá xác định hoặc tốt hơn. Lệnh có ghi giá cụ thể và có hiệu lực đến khi kết thúc ngày giao dịch hoặc đến khi được hủy bỏ.
- **Lệnh thị trường:** lệnh mua tại mức giá bán thấp nhất hoặc lệnh bán tại mức giá mua cao nhất hiện có trên thị trường. Lệnh sử dụng trong các đợt giao dịch khớp lệnh liên tục và sẽ bị hủy trên hệ thống giao dịch ngay sau khi nhập nếu không có lệnh đối ứng.
- **Lệnh thị trường – Giới hạn (MTL):** Lệnh được nhập vào nếu không khớp hết sẽ chuyển phần còn lại thành lệnh giới hạn.
- **Lệnh thị trường khớp toàn bộ hoặc hủy (MOK):** lệnh nếu không được thực hiện toàn bộ thì bị hủy trên hệ thống giao dịch ngay sau khi nhập.
- **Lệnh thị trường khớp và hủy (MAK):** lệnh có thể thực hiện toàn bộ hoặc một phần. Phần còn lại của lệnh sẽ bị hủy ngay sau khi khớp lệnh

5. Phương thức giao dịch

- **Khớp lệnh định kỳ:** Là phương thức giao dịch được hệ thống thực hiện trên cơ sở so khớp các lệnh mua và lệnh bán tại thời điểm xác định.
- **Khớp lệnh liên tục:** là phương thức giao dịch được hệ thống thực hiện trên cơ sở so khớp các lệnh mua và lệnh bán ngay khi lệnh được nhập vào hệ thống giao dịch. Nguyên tắc xác định giá thực hiện: là mức giá của các lệnh đối ứng đang nằm chờ trên sổ lệnh.
- **Khớp lệnh thỏa thuận:** Là phương thức giao dịch mà bên mua và bên bán tự thỏa thuận với nhau về các điều kiện giao dịch. Sau đó, giao dịch sẽ được nhập vào hệ thống giao dịch của công ty chứng khoán bên bán và công ty chứng khoán bên mua để ghi nhận kết quả.

6. Nguyên tắc khớp lệnh giao dịch

- **Ưu tiên về giá:**
 - Lệnh mua với mức giá cao hơn được ưu tiên thực hiện trước.
 - Lệnh bán với mức giá thấp hơn được ưu tiên thực hiện trước.

- **Ưu tiên về thời gian:** Trường hợp các lệnh mua hoặc lệnh bán có cùng mức giá thì lệnh nhập vào hệ thống giao dịch trước được ưu tiên thực hiện trước

7. Hủy/sửa lệnh giao dịch

- Việc sửa lệnh, hủy lệnh giao dịch khớp lệnh chỉ có hiệu lực đối với lệnh chưa được thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh chưa được thực hiện.
- Lệnh giới hạn được phép sửa giá, khối lượng và hủy lệnh trong thời gian giao dịch. Thứ tự ưu tiên của lệnh sau khi sửa được xác định như sau:
 - Thứ tự ưu tiên của lệnh không đổi nếu chỉ sửa giảm khối lượng.
 - Thứ tự ưu tiên của lệnh được tính kể từ khi lệnh sửa được nhập vào hệ thống giao dịch đối với các trường hợp sửa tăng khối lượng và/hoặc sửa giá.
- Không được phép sửa, hủy lệnh trong toàn bộ phiên khớp lệnh định kỳ.

II. Quy định tài khoản ký quỹ

1. Xác định giá trị ký quỹ trước khi giao dịch đảm bảo mức ký quỹ ban đầu và tỉ lệ sử dụng tài sản ký quỹ (TSKQ)

$$\text{Giá trị ký quỹ ban đầu (IM)} = \text{Hệ số nhân VNĐ} * \text{Số lượng VNĐ} * \text{Giá giao dịch cuối} * \text{IM rate}$$

Trong đó:

Hệ số nhân VNĐ: 100.000 đồng

Giá giao dịch cuối là giá khớp lệnh gần nhất tại thời điểm tính IM nếu trong phiên giao dịch hoặc là giá thanh toán cuối ngày nếu tính IM cuối ngày

IM rate: Tỷ lệ ký quỹ ban đầu do PHS quy định và có thể thay đổi theo từng thời kì

$$\text{Giá trị ký quỹ} \geq \text{IM} * (1/\text{tỉ lệ sử dụng TSKQ})$$

2. Giá trị ký quỹ duy trì: $MR = IM + VM \text{ lỗ} + DM$

Ký quỹ ban đầu (IM)	Ký quỹ biến đổi (VM lỗ)	Ký quỹ ban đầu đảm bảo thực hiện hợp đồng (DM)
<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ IM được xác định đối với Hợp đồng tương lai chỉ số theo quy định của VSD hiện tại là 13% - Công bố: ngày 01, 10 và 20 hàng tháng trên website của VSD ít nhất 02 ngày làm việc trước ngày áp dụng. - Tỷ lệ ký quỹ bằng tiền đảm bảo tỷ lệ ký quỹ tối thiểu là 100% 	Khoản lỗ ròng trong phiên giao dịch của danh mục đầu tư trên tài khoản của khách hàng.	Ký quỹ bổ sung khi thực hiện thanh toán chuyển giao vật chất từ sau ngày giao dịch cuối cùng đến ngày thanh toán cuối cùng

Ví dụ: Nhà đầu tư tham gia vào thị trường chứng khoán phái sinh

Bước 1: Nộp tiền ký quỹ là 200 triệu đồng thành công lên VSD qua PHS

Bước 2: Nhà đầu tư dự đoán thị trường lên nên quyết định “mua” HĐTL chỉ số VN30F2012, đáo hạn tháng 12/2020

Mã HĐTL	Số lượng vị thế	Giá thực hiện	Hệ số nhân	IM rate
---------	-----------------	---------------	------------	---------

VN30F2012	10 (Mua)	800	100.000	13 %
------------------	----------	-----	---------	------

Bước 3: Giá trị ký quỹ ban đầu (IM) yêu cầu tối thiểu với nhà đầu tư và tỷ lệ sử dụng TSKQ đối với tài khoản nhà đầu tư theo quy định của VSD như sau:

Mã HĐTL	Giá trị ký quỹ ban đầu (IM)	Giá trị ký quỹ thực có	Tỷ lệ sử dụng TSKQ
VN30F2012	$100.000 \times 10 \times 800 \times 13\% = 104.000.000$ VNĐ	200.000.000 VNĐ	$104.000.000 / 200.000.000 = 52\% < 80\% =$ Ngưỡng an toàn

Bước 4a: Giả sử giá HĐTL tăng lên như kỳ vọng của nhà đầu tư

Mã HĐTL	Số lượng vị thế	Hệ số nhân	Giá thực hiện	Giá thị trường	Lãi/lỗ vị thế
VN30F2012	10 (Mua)	100.000	800	810	$100.000 \times 10 \times (810 - 800) = 10.000.000$ (Lãi)

Tương tự với các thời điểm khác nhau, VSD sẽ kiểm tra tỷ lệ sử dụng tài khoản ký quỹ đối với tài khoản nhà đầu tư

Giá HĐTL	Giá trị ký quỹ ban đầu (IM)	Ký quỹ biến đổi (VM lỗ)	Giá trị ký quỹ duy trì (MR)	Giá trị ký quỹ thực có	Tỷ lệ sử dụng TSKQ
800	104.000.000	0	104.000.000	200.000.000	52%
810	105.300.000	10.000.000	105.300.000	200.000.000	53%

Như vậy tài khoản giao dịch của nhà đầu tư nằm trong ngưỡng an toàn cho phép và nhà đầu tư có lãi 10.000.000 vnd khi thực hiện hợp đồng.

Bước 4b: Giả sử giá HĐTL giảm xuống không như kỳ vọng của nhà đầu tư

Mã HĐTL	Số lượng vị thế	Hệ số nhân	Giá thực hiện	Giá thị trường	Lãi/lỗ vị thế
VN30F2012	10 (Mua)	100.000	800	793	$100.000 \times 10 \times (793 - 800) = -7.000.000$ (Lỗ)

VSD sẽ kiểm tra tỷ lệ sử dụng tài khoản ký quỹ đối với tài khoản nhà đầu tư

Giá HĐTL	Giá trị ký quỹ ban đầu (IM)	Ký quỹ biến đổi (VM lỗ)	Giá trị ký quỹ duy trì (MR)	Giá trị ký quỹ thực có	Tỷ lệ sử dụng TSKQ
800	104.000.000	0	104.000.000	200.000.000	52%
793	103.090.000	-7.000.000	110.090.000	200.000.000	55%

Như vậy tài khoản giao dịch của nhà đầu tư nằm trong ngưỡng an toàn cho phép và nhà đầu tư bị lỗ -7.000.000 vnd khi thực hiện hợp đồng.

Chú ý rằng lãi vị thế sẽ không được tính vào giá trị ký quỹ duy trì, tỷ lệ sử dụng TSKQ đang ví dụ tính bằng mức quy định của VSD và lời/lỗ của nhà đầu tư chưa tính các khoản phí, thuế liên quan trong giao dịch phái sinh.

3. Giới hạn vị thế

Giới hạn vị thế được đặt ra nhằm ngăn ngừa việc một cá nhân hoặc tổ chức nắm giữ số lượng hợp đồng quá lớn, nhằm đảm bảo duy trì tính ổn định và công bằng của thị trường, đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư khi tham gia thị trường

STT	Loại hình Nhà đầu tư	Số lượng HĐTL tối đa nắm giữ trên 1 tài khoản
1	Cá nhân	Dưới 5.000 Hợp đồng
2	Tổ chức	Dưới 10.000 Hợp đồng

3	NĐT CK chuyên nghiệp	Dưới 20.000 Hợp đồng
---	----------------------	----------------------

4. Các ngưỡng cảnh báo vi phạm tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ theo VSD

STT	Nội dung thông số	Thông số quy định
1	Ngưỡng cảnh báo 1 (An toàn)	80%
2	Ngưỡng cảnh báo 2 (Bổ sung)	90%
3	Ngưỡng cảnh báo 3 (Xử lý)	100%

5. Chính sách thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng HĐTL trên thị trường CKPS

Thuế TNCN = Giá chuyển nhượng từng lần * 0,1%, trong đó:

Giá chuyển nhượng từng lần = (Giá thanh toán HĐTL * Hệ số nhân HĐ * SL hợp đồng * tỷ lệ KQ ban đầu) / 2

Ví dụ:

HĐTL chỉ số cổ phiếu VN30F2007 được xây dựng có hệ số nhân là 100.000 đồng.

Tỷ lệ ký quỹ ban đầu của HĐTL này do VSD công bố là 13%.

- ✓ Lúc 9 giờ ngày 25/07/2020, nhà đầu tư A khớp lệnh mua 10 HĐTL VN30F2007 với giá là 850 điểm chỉ số. Nhà đầu tư cá nhân A phải nộp số thuế TNCN trong giao dịch mua là: $850 * 100.000 * 10 * 13\% / 2 * 0,1\% = 55.250 \text{ VND}$.
- ✓ Lúc 10 giờ ngày 25/07/2020, nhà đầu tư A khớp lệnh bán 10 HĐTL VN30F2007, giá khớp lệnh của HĐTL nói trên lúc này giảm xuống còn 840 điểm. Nhà đầu tư cá nhân A phải nộp thuế TNCN trong giao dịch bán này là: $840 * 100.000 * 10 * 13\% / 2 * 0,1\% = 54.600 \text{ VND}$.